

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/HS-ST
Ngày 05-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vũ Linh.

2. Bà Lê Thị Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Bé Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2022/TLST-HS, ngày 12 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXXST-HS, ngày 09 tháng 6 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **TRẦN VIỆT H**, sinh ngày 31 tháng 10 năm 1979, tại tỉnh Phú Thọ.

Nơi đăng ký HKTT: Khu Văn Phú 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở: Tổ dân phố 09, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Bùi Thanh N, sinh năm 1955;

Anh, chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là thứ ba;

Vợ: Trần Thị H, sinh năm 1982 (đã ly hôn).

Con: Có 01 người con sinh năm 2009.

Tiền án: + Ngày 02/5/2019, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang, xử phạt 01 năm 08 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản* (thời điểm phạm tội ngày 31/8/2017, trị giá tài sản trộm cắp là 5.762.481 đồng), (Bản án số 16/2019/HS-ST).

+ Ngày 21/6/2019, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, xử phạt 01 năm tù về tội *Trộm cắp tài sản* (thời điểm phạm tội ngày 24/10/2018, trị giá tài sản trộm cắp là 2.900.000 đồng). Tổng hợp với hình phạt 01 năm 08 tháng tù của Bản án số 16/2019/HS-ST ngày 02/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 năm 08 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/7/2021, (Bản án số 71/2019/HS-ST).

Tiền sự: Không.

Nhân thân: + Ngày 26/4/1997, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, xử phạt 12 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản của công dân*, (Bản án số 16/HS-ST).

+ Ngày 16/7/1998, Tòa án nhân dân thị xã T (nay là Tòa án nhân dân thành phố T), tỉnh Tuyên Quang, xử phạt 18 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản*, (Bản án số 33/HS-ST).

+ Ngày 14/12/2000, Tòa án nhân dân thị xã T (nay là Tòa án nhân dân thành phố T), tỉnh Tuyên Quang, xử phạt 24 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản*, (Bản án số 53/HS-ST).

+ Ngày 09/6/2003, Tòa án nhân dân thị xã T (nay là Tòa án nhân dân thành phố T), tỉnh Tuyên Quang, xử phạt 36 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản*, (Bản án số 59/HS-ST).

+ Ngày 01/3/2011, Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương, xử phạt 08 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản*, (Bản án số 45/2011/HSST).

+ Ngày 17/4/2014, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Dương, xử phạt tù 20 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản*, (Bản án số 38/2014/HSST).

+ Ngày 26/4/2016, Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương, xử phạt 10 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản*, (Bản án số 123/2016/HSST).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/01/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

Bị hại: Anh **Trần Văn V**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Tổ dân phố 13, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Đặng Kim H**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

TRẦN VIỆT H, đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu Văn Phú 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ; chỗ ở: Tổ dân phố 09, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Khoảng 06 giờ ngày 11/01/2022, H đi xe đạp kiểu dáng mini, nhãn hiệu ASAMA (xe của mẹ H là bà Bùi Thị N, ở cùng địa chỉ. Bà N không biết H lấy xe đạp đi đâu, làm gì) đi quanh thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mục đích xem ở đâu có tài sản để sơ hở thì trộm cắp bán lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Hà đạp xe đi đến khu vực Bưu điện phường H, thuộc tổ dân phố 04, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, thì thấy tại hành lang phía sau Bưu điện dựng 01 chiếc thang nhãn hiệu Nikawa (thang làm bằng kim loại, kiểu rút có 14 bậc) của anh Trần Văn V, trú tại tổ dân phố 13, phường A, thành phố T (anh V là nhân viên Kỹ thuật của Tập đoàn viễn thông VNPT - Chi nhánh phường H, thành phố T). Quan sát không có người trông coi nên H nảy sinh ý định trộm cắp chiếc thang trên mang bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. H dựng chiếc xe đạp ở ngoài cổng Bưu điện, đi bộ vào bên chiếc thang ra để ở giá chờ hàng phía sau xe đạp rồi chờ chiếc thang đến cửa hàng thu mua phế liệu, bán cho bà Đặng Kim H, trú tại tổ dân phố 10, phường T, thành

ph T, tỉnh Tuyên Quang, được 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), số tiền này H chi tiêu cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 04/KLĐG ngày 16/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành ph T, kết luận: Chiếc thang rút bằng kim loại, nhãn hiệu Nikawa, chiều dài khi rút ra 484cm, chiều dài khi thu vào 98cm, chân thang rộng 48cm, đỉnh thang rộng 44cm, có 14 bậc đã qua sử dụng có giá trị 2.260.000 đồng (Hai triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

Vật chứng: Ngày 14/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ chiếc thang rút bằng kim loại, nhãn hiệu Nikawa do bà Đặng Kim H giao nộp. Tạm giữ của H chiếc xe đạp nhãn hiệu ASAMA, kiểu dáng mini.

Ngày 28/02/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành ph T đã trả lại chiếc thang cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Trần Văn V; ngày 07/3/2022 đã trả lại chiếc xe đạp cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Bùi Thị N.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Trần Văn V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Kim H không có yêu cầu, đề nghị gì đối với TRẦN VIỆT H.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, TRẦN VIỆT H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, hành vi phạm tội của H còn được chứng minh bằng: Biên bản khám nghiệm hiện trường; sơ đồ; bản ảnh hiện trường; File Video trích xuất từ Camera an ninh của trung tâm viễn thông VNPT - Chi nhánh Hưng Thành, thành ph T, ghi lại hình ảnh H trộm cắp chiếc thang; Kết luận định giá tài sản; lời khai của bị hại; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 60/CT-VKSTP, ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành ph T, tỉnh Tuyên Quang, đã truy tố TRẦN VIỆT H về tội *Trộm cắp tài sản*, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo H tiếp tục khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình với mục đích bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Bị cáo không có ý kiến gì về kết luận định giá tài sản đã kết luận về giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại, không yêu cầu định giá lại. Viện kiểm sát nhân dân thành ph T, tỉnh Tuyên Quang, đã truy tố bị cáo là đúng tội, không oan.

Về trách nhiệm dân sự bị cáo H có ý kiến: Tài sản mà bị cáo trộm cắp đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành ph T thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Trần Văn V đầy đủ. Anh V và mẹ bị cáo là bà Bùi Thị N không yêu cầu bồi thường gì, nên bị cáo nhất trí và không có ý kiến gì.

Bị hại anh Trần Văn V trình bày tại Biên bản ghi lời khai có lưu trong hồ sơ vụ án (Bút lục số 63 đến số 66): Tôi là nhân viên Kỹ thuật của Tập đoàn viễn thông VNPT - Chi nhánh phường H, thành ph T. Khoảng 18 giờ, ngày 10/01/2022, sau khi đi làm về tôi có dựng 01 chiếc thang nhãn hiệu Nikawa, loại thang làm bằng kim loại, kiểu rút có 14 bậc, tại trụ sở làm việc là Bưu điện phường H, thành ph T. Đến sáng ngày 11/01/2022, tôi định lấy thang đi làm, nhưng không thấy thang đâu, do nghĩ là có người làm cùng mượn, nên tôi không hỏi ai. Đến chiều cùng ngày 11/01/2022 không thấy ai mang trả thang, nên tôi kiểm tra Camera an ninh của cơ quan thì thấy

một người nam thanh niên lạ mặt đi xe đạp đã lấy chiếc thang của tôi, nên tôi đến Công an phường H trình báo sự việc.

Về trách nhiệm hình sự: Anh V đề nghị xem xét xử lý H theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Chiếc thang rút bằng kim loại, nhãn hiệu Nikawa đã được thu hồi trả lại cho tôi, nên tôi không yêu cầu H phải bồi thường gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà bà Đặng Kim H trình bày tại Biên bản ghi lời khai có lưu trong hồ sơ vụ án (Bút lục số 68 đến số 71): Khoảng 10 giờ ngày 11/01/2022, khi tôi đang ở cửa hàng của tôi thì có một người thanh niên lạ mặt, đeo khẩu trang, đi xe đạp chở theo 01 chiếc thang nhôm rút đến cửa hàng của tôi nói cháu có chiếc thang này muốn bán lấy tiền để về quê, tôi đồng ý mua với giá là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Sau khi thanh toán tiền xong, người thanh niên này lên xe đạp rời khỏi quán của tôi. Tôi không yêu cầu người thanh niên đã bán chiếc thang nhôm rút cho tôi phải bồi thường gì cho tôi.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo TRẦN VIỆT H và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về Điều luật áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo TRẦN VIỆT H phạm tội *Trộm cắp tài sản*.

- Xử phạt: Bị cáo TRẦN VIỆT H từ 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng đến 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/01/2022.

Do bị cáo H không có tài sản và không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định của pháp luật.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại anh Trần Văn V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Kim H không yêu cầu bị cáo H bồi thường gì; các bên không có tranh chấp, nên không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc bị cáo H phải chịu tiền án phí hình sự sơ và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo H không có ý kiến tranh luận gì với nội dung luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo H nói lời sau cùng là xin Hội đồng xét xử xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo, của bị hại và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu

nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo TRẦN VIỆT H tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra; phù hợp với vật chứng đã thu giữ; lời khai của bị hại; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 06 giờ ngày 11/01/2022, tại Bưu điện phường H, thuộc tổ dân phố 04, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; TRẦN VIỆT H, nơi đăng ký HKTT: Khu Văn Phú 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ; chỗ ở: Tổ dân phố 09, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, có hành vi trộm cắp 01 (Một) chiếc thang nhãn hiệu Nikawa bằng kim loại, trị giá 2.260.000 đồng (Hai triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) của anh Trần Văn V, trú tại tổ dân phố 13, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, truy tố TRẦN VIỆT H về tội *Trộm cắp sản* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H phạm tội lần này trong thời gian chưa được xóa án tích của bản án số 16/2019/HS-ST ngày 02/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang và bản án số 71/2019/HS-ST ngày 21/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, nên bị cáo H phải chịu tình tiết tăng nặng là *Tái phạm* theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo H tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về vai trò của bị cáo: Trong vụ án này, bị cáo H một mình thực hiện hành vi phạm tội, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm với toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình đã gây ra.

[5] Xét thấy bị cáo H có nhân thân xấu. Tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại đã được thu hồi và trả lại cho bị hại đầy đủ. Do vậy, xử phạt bị cáo H mức án như Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị tại phiên tòa là phù hợp và có căn cứ pháp luật.

[6] Bị cáo H không có tài sản và không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt tiền làm hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: - Bị hại là anh V; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoa không yêu cầu bị cáo H bồi thường gì; các bên không có tranh chấp, nên không xem xét giải quyết.

[8] Bà Đặng Kim H mua chiếc thang do bị cáo H trộm cắp mang bán cho, nhưng bà Hoa không biết tài do bị cáo H phạm tội mà có, nên không đề cập xử lý là có căn cứ pháp luật.

[9] Bà Bùi Thị N (mẹ đẻ của bị cáo Hà) là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe đạp, nhưng Bà N không biết bị cáo sử dụng xe đạp làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, nên không đề cập xử lý là có căn cứ pháp luật.

Bị cáo H phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

** Tuyên bố:* Bị cáo **TRẦN VIỆT H** phạm tội *Trộm cắp tài sản*.

** Xử phạt:* Bị cáo **TRẦN VIỆT H** 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/01/2022.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo **TRẦN VIỆT H** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Bị cáo **TRẦN VIỆT H** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị hại anh Trần Văn V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Kim H được quyền kháng cáo phần có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình của bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Công an TP. Tuyên Quang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- Bị cáo Hà;
- Bị hại Việt;
- Bà Hoa;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu hồ sơ thi hành án hình sự;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn

